

GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VỚI VẤN ĐỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC TRÊN LỚP

• ThS. PHẠM QUANG HUÂN

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Vai trò của người giáo viên trong quản lý chất lượng dạy học

1.1. Một quan niệm đã trở thành truyền thống về vai trò của người giáo viên (GV) trong nhà trường: GV chỉ là người có vai trò thực hiện các công việc giảng dạy, giáo dục học sinh, thực hiện các nhiệm vụ do các cấp quản lý (QL) giao phó. Họ luôn được coi là đối tượng QL (mà thực chất là đối tượng bị QL). Quan niệm này vừa ảnh hưởng tới quá trình đào tạo đội ngũ GV, lại vừa ảnh hưởng tới thực tiễn công tác của họ khi về làm việc trong mỗi nhà trường. Từ khi còn học trong trường sư phạm, người GV tương lai không có hoặc ít có cơ hội tiếp cận những kiến thức lí luận về khoa học QL. Sau khi tốt nghiệp sư phạm về trường phổ thông, người GV mặc nhiên được coi là "đối tượng QL", mặc nhiên "bị" QL, theo dõi, kiểm tra, nhắc nhở, và điều này khiến họ tự coi mình chỉ có phận sự của người thừa hành và thực hiện, cố gắng và nỗ lực hoàn thành tốt công việc được giao. Ngày tháng qua, cọ sát với thực tiễn, họ càng ngày càng nhận ra rằng, vốn lí luận dạy học, giáo dục nói chung và những tri thức giáo học pháp bộ môn rất thiết thực mà họ được học từ nhà trường sư phạm đã trở nên thiếu hụt và bất cập trước thực tế sinh động của đời sống nhà trường.

Những điều được tiếp thu bài bản và hệ thống đã vậy, còn những kiến thức và kĩ năng QL lại là những điều họ chưa từng được học hoặc chỉ làm quen một cách hết sức sơ lược trong nhà trường sư phạm. Bởi vậy, sẽ trở thành khó khăn cho họ khi hàng ngày đối mặt và làm những

công việc với tư cách của nhà QL đích thực, có nghĩa, họ phải trực tiếp QL, điều hành những công việc khá phức tạp như: QL một lớp chủ nhiệm, QL tất cả những công việc liên quan tới hoạt động dạy học, đặc biệt là hoạt động dạy học trên lớp, QL một buổi lao động hoặc một hoạt động tập thể của học sinh. Lâu dần, có kinh nghiệm hơn, họ được giao tổ chức và QL một đoàn thể, hoặc tổ chức một hoạt động có quy mô lớn hơn ở trong và ngoài nhà trường...

Như vậy, có thể thấy rằng quan niệm mang tính truyền thống về vai trò của người GV, coi GV chỉ là GV, chỉ là đối tượng thụ động của sự QL, lãnh đạo, đã bộc lộ những bất cập. Bất cập này tạo ra những bất cập khác ảnh hưởng chẳng những tới quá trình đào tạo GV, mà còn tới quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục cũng như quá trình bồi dưỡng GV.

1.2. Dạy học là chức trách quan trọng nhất của người GV, trong đó, lên lớp là hình thức dạy học cơ bản nhất, là đặc trưng nghề nghiệp của họ. Dạy học trên lớp thực sự là một quá trình. Nhìn một cách biện chứng, quá trình này, một mặt, xét dưới dạng tĩnh, được tạo nên bởi các thành tố cấu trúc như mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả dạy học... và bao trùm là yếu tố tổ chức QL chất lượng cả quá trình...; các thành tố đó kết hợp chặt chẽ và quan hệ hữu cơ với nhau, thẩm thấu nhau trong mọi hoạt động của người dạy và người học; mặt khác, nhìn theo chiều vận động tuyến tính, quá trình đó được phân giải thành các khâu, các "công đoạn" theo thời gian như soạn bài - lên lớp - chấm bài, đánh

giá kết quả học tập của học sinh - rút kinh nghiệm, cải tiến phương pháp dạy học... Người GV khi tiến hành mỗi quá trình cần phải biết QL và tổ chức quá trình đó theo một lịch trình nghiêm túc, hợp lí và hiệu quả.

Những kết quả nghiên cứu lí luận dạy học cũng như thực tế đổi mới hoạt động dạy học ngày nay trong các nhà trường phổ thông đã khẳng định rằng: những năng lực tổ chức, điều hành, QL, hướng dẫn là những yêu cầu và năng lực được đòi hỏi ngày càng cao ở người GV. Một giờ dạy thành công là giờ dạy mà người GV phải thể hiện được các năng lực đó. Ngay cả quan niệm về một GV giỏi, một GV hiện đại giờ đây cũng khác trước: đó không phải là người GV chỉ có tri thức uyên thâm sâu rộng với các kĩ năng truyền giảng trôi chảy, hấp dẫn để lên lớp thuyết trình, đọc diễn, làm thay học trò, mà là một mẫu hình GV, bên cạnh tri thức sâu rộng, khi chuẩn bị cho giờ lên lớp ở khâu soạn bài, còn nhất thiết phải giỏi thiết kế, lựa chọn, tổ chức sắp xếp nội dung kiến thức và hệ thống phương pháp dạy học sao cho vừa tuân thủ tính chặt chẽ và logic của tri thức khoa học, vừa đạt những yêu cầu sư phạm phù hợp với các quy luật dạy học và quy luật nhận thức của học sinh; khi dạy học trên lớp phải giỏi tổ chức, thiết kế các tình huống hoạt động giữa thầy và trò, giỏi tổ chức, điều hành, hướng dẫn, kích lệ, động viên các hoạt động của học sinh một cách sinh động sao cho người học được làm việc tích cực, được nghĩ, được nói, được thể hiện khả năng và bản sắc riêng của mình, được tạo nhiều cơ hội nhằm phát triển việc học của họ. Tiến trình đổi mới phương pháp dạy học ngày nay đòi hỏi người GV còn phải giỏi kết hợp sử dụng các phương tiện, thiết bị, học liệu giáo dục hỗ trợ cho phương pháp dạy học của mình, giỏi tổ chức các hình thức, biện pháp kiểm tra nhằm nắm vững kết quả học tập, tu dưỡng, từ đó, đánh giá đúng chất lượng (CL) học tập của học sinh mình dạy, không những thế còn phải

giỏi phát hiện những điểm mạnh, yếu trong cả việc dạy của mình cũng như việc học của trò để đề xuất những cải tiến và chương trình rèn luyện nhằm phát triển không ngừng phẩm chất cũng như năng lực sư phạm.

Như vậy, chỉ xét riêng một công việc mang bản sắc sư phạm đặc trưng của người GV là dạy học, đã thấy đậm "chất QL". Có thể khẳng định rằng: chỉ khi nào người GV thực sự có tri thức và kĩ năng (thứ tri thức và kĩ năng dựa trên cơ sở được đào tạo một cách hệ thống) để thực hiện vai trò chủ thể QL một cách hiệu quả thì khi đó, mới đảm bảo chất lượng công việc của mình. Từ đó, họ mới thực sự trở thành "lực lượng quyết định chất lượng giáo dục" của nhóm, tổ bộ môn, của từng cơ sở trường học, và rộng hơn, của cả nền giáo dục.

1.3. Hiện nay, tiếp theo tiểu học và THCS, việc tiếp tục đổi mới chương trình giáo dục THPT đã bắt đầu thực hiện đại trà. Về bản chất, đây là sự đổi mới tổng thể cả quá trình giáo dục (đương nhiên đó phải là sự đổi mới đồng bộ mọi yếu tố cấu thành quá trình ấy) chứ không phải chỉ đổi mới khâu nội dung giáo dục, thể hiện bằng việc thay mới sách giáo khoa. Tuy nhiên, một thực tế không thể không khẳng định là yếu tố QL chất lượng thực hiện quá trình giáo dục mới (trong đó quá trình dạy học luôn là trung tâm) của cả chủ thể QL nhà trường cũng như chủ thể QL trực tiếp quá trình này là người GV chưa được quan tâm đồng bộ, chưa có hướng đổi mới rõ ràng và hiệu quả. Do đó, chất lượng và hiệu quả thực hiện chương trình mới tất yếu bị ảnh hưởng.

Những phân tích trên cho thấy: muốn làm tốt công việc chuyên môn của mình, muốn thực hiện hiệu quả việc đổi mới chương trình THPT, người GV rất cần phải có kiến thức và các kĩ năng QL chất lượng dạy học.

2. Nội dung và phương pháp QLCL quá trình dạy học trên lớp của người GV

Kết quả nghiên cứu bước đầu của chúng tôi

về những phương thức QLCL hiện đại như ISO 9000 và QL Chất lượng (CL) Tổng thể (Total Quality Management - TQM) và thử nghiệm ứng dụng vào đổi mới QL chất lượng quá trình dạy học tại 8 trường phổ thông bậc trung học ở Thái Bình, Hà Nội trong mấy năm qua, cho thấy: đó là những mô hình, phương pháp QL tiên tiến có thể học tập và vận dụng để giúp người GV QL tốt hơn chất lượng công việc dạy học của mình. E. W. Deming – nhà khoa học Mĩ, người được coi là "ông tổ" về QL chất lượng - đã đưa ra Chu trình QLCL PDCA, trở thành nền tảng cho phương pháp QLCL trong mô hình QL CL toàn diện (TQM) và hệ thống QLCL ISO 9000. Theo đó, người GV cần có kiến thức và kĩ năng thực hiện có hiệu quả 4 chức năng QLCL: 1) P (plan): chức năng hoạch định và thiết kế quá trình dạy học, 2) D (do) chức năng tổ chức, điều hành, động viên, lôi cuốn HS thực hiện quá trình dạy học theo thiết kế; 3) C (check): kiểm tra liên tục, thường xuyên nhằm kiểm soát, đánh giá chuẩn xác và xác thực CL dạy và học và 4) A (action) chức năng tiến hành những tác động cải tiến và phát triển thường xuyên CL các hoạt động sư phạm.

Lấy hoạt động dạy học trên lớp, một hình thức dạy học rất cơ bản và có ý nghĩa quyết định đối với CL của cả quá trình dạy học làm ví dụ. Xét từ góc độ thực tiễn, có thể thấy rằng, công việc dạy học của người GV thực chất luôn trải ra thành một quá trình theo trục thời gian tuyến tính: soạn, giảng, chấm, chữa bài và đánh giá học sinh. Quá trình này có thể phân giải thành các công đoạn bộ phận: các yếu tố đầu vào, các hoạt động nối nhau liên tiếp ở trong công đoạn quá trình và có các yếu tố đầu ra của chính quá trình đó. Tiếp cận các chức năng và phương pháp QL CL và vận dụng phân tích quá trình dạy học nói trên, ta thấy:

- Khâu soạn bài thực chất là sự hoạch định các yếu tố đầu vào (plan input) của quá trình dạy học trên lớp.

- Khâu lên lớp bao gồm các hoạt động nối nhau liên tiếp của thầy và trò theo bản thiết kế đã hoạch định từ công đoạn trước tương ứng với công đoạn thực hiện quá trình (Do process).

- Khâu cuối cùng là kiểm soát các yếu tố đầu ra của quá trình dạy học, bao gồm: kiểm tra (Check), đánh giá (evaluate) CL học tập của HS, rút kinh nghiệm, cải tiến (improve/make better) cho quá trình sau đó thực hiện được tốt hơn.

Ba khâu của quá trình ấy có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các hoạt động và các nguồn lực (học liệu, thiết bị dạy học, môi trường dạy học...). Để QL được quá trình ấy, và thực sự làm chủ nó, đòi hỏi người GV phải có khả năng kiểm soát được nó ngay từ bước chuẩn bị đầu tiên tới bước cuối cùng.

Nếu tập trung vào quá trình dạy học trên lớp, người GV có thể QLCL quá trình dạy học do mình chủ đạo theo các nội dung và các bước tiến hành như sau:

2.1. Hoạch định CL cho giờ lên lớp trong khâu soạn bài.

Về bản chất, đây là khâu thiết kế đầu vào cho quá trình dạy học, với yêu cầu đảm bảo 4 nội dung sau:

1) Xác định một cách cụ thể những mục tiêu cần đạt đến sau giờ học. Mục tiêu dạy học thực chất là dự kiến về kết quả cuối cùng cần đạt được, là hướng đích cho quá trình thực hiện. Có mục tiêu tổng quát của cả bài, bao gồm kiến thức, kĩ năng, thái độ; mục tiêu này đã được pháp lí hoá, mục thước hoá một cách khái quát nhất trong tài liệu giáo khoa. Lại có thể chia nhỏ mục tiêu tổng quát đó thành những mục tiêu bộ phận để dễ thực hiện. Những mục tiêu này thường tương ứng với các phần đơn vị nội dung dạy học trong bài, rất quan trọng trong chỉ đạo hoạt động tác nghiệp của người GV. Tuy nhiên, trong thực tế, GV ít quan tâm đến loại mục tiêu này, có thể do GV thấy SGK, sách GV không đề cập.



2) Xác định những mức CL cho quá trình thực hiện. Có thể coi mức CL là những yêu cầu, những mong muốn đạt được phù hợp với trình độ và điều kiện của GV, của lớp học, của nhà trường đối với các yếu tố tham gia vào quá trình như nội dung kiến thức, phương pháp tổ chức, việc hướng dẫn của người dạy về cách thức hoạt động để chiếm lĩnh tri thức cho người học... Chẳng hạn: người GV đặt ra yêu cầu cho người học cần đạt tới mức CL nào về nội dung kiến thức, về kĩ năng, thái độ; người dạy cần đạt những yêu cầu CL nào về việc chọn lựa, sắp xếp và trình bày nội dung, về phương pháp hướng dẫn, tổ chức và điều khiển HS tiến hành các hoạt động nhận thức, về việc sử dụng, khai thác thiết bị và học liệu hỗ trợ dạy học ...

3) Dự kiến một cách rõ ràng quy trình tiến hành các hoạt động dạy học. Nội dung này đòi hỏi GV trả lời một cách rõ ràng các hoạt động dạy học trong tiến trình sẽ diễn biến như thế nào, được tổ chức theo trình tự nào, theo một quy trình tổng thể nào thì tối ưu; trong quy trình lớn ấy bao gồm bao nhiêu hoạt động là đủ, hoạt động nào là trọng yếu. Để thực hiện những hoạt động ấy, người dạy, người học cần tuân thủ tuân tự những bước đi nào, GV cần làm cho HS nắm được phương pháp, cách thức tiến hành công việc có CL trong mỗi giờ ra sao...

4) Tính đếm những điều kiện hỗ trợ cho các khâu trong quá trình theo một kế hoạch chặt chẽ và cách thức kiểm soát một cách khoa học kết quả học tập của HS cũng như CL giờ học. Chẳng hạn, ngoài hình thức dùng một bài kiểm tra ngắn (trắc nghiệm hay tự luận) còn có thể có cách nào hiệu quả để đo đếm được diễn biến CL giờ học, CL nắm kiến thức và việc hình thành kĩ năng ở HS? Có thể hỏi ý kiến HS (trong tư cách là khách hàng) về việc hiểu hay chưa hiểu một đơn vị kiến thức trọng tâm; đã làm được, có hứng thú khi làm hay là chưa làm được, chưa nắm được cách thức tiến hành một hoạt động thực

hành để rèn kĩ năng...

Tất cả những nội dung trên phải được tường minh hóa, cụ thể hoá trong Bản thiết kế dạy học (thông thường gọi là bài soạn). Cách trình bày có thể dưới hình thức ngôn ngữ tuyến tính như cách soạn bài truyền thống, hoặc bằng các sơ đồ, lược đồ cho dễ nhìn, dễ hiểu, dễ theo dõi kiểm soát. Thiết kế này, sau khi được tổ, nhóm chuyên môn thẩm định và bổ sung, có thể thống nhất và được coi là một phương án tiến hành hợp lí để chẳng những người thiết kế trực tiếp có thể đem ra thực hiện, mà GV khác cùng nhóm chuyên môn cũng có thể theo đó mà tiến hành một cách linh hoạt cho phù hợp với khả năng cá nhân và trình độ thực tiễn của lớp học. Về bản chất, đây là xác lập một loại chuẩn mực trong phạm vi nhà trường.

Làm được như vậy là thực hiện bước thiết kế đầu vào cho CL giờ học mà ISO 9000 đã đúc kết thành một quy tắc QL: "Hoạch định và viết ra những gì sẽ làm". Như vậy cũng có nghĩa là khâu thiết kế đầu vào đã được kiểm soát theo đúng nguyên lí của khoa học QL CL: kiểm soát từng khâu của quá trình.

2.2. Tổ chức và QL việc thực hiện CL trong khâu dạy học trên lớp.

Theo ISO 9000, đây là khâu QL diễn biến của quá trình, cần tuân thủ nguyên tắc: "Làm đúng những gì đã hoạch định". Điều đó có nghĩa là, trong diễn biến của quá trình dạy học trên lớp, GV cần tuân thủ một cách linh hoạt quy trình và kế hoạch dạy học đã được dự tính, hoạch định trong thiết kế (bài soạn). Vận dụng tinh thần các nguyên tắc QL CL, nhất là nguyên tắc QL theo quá trình, GV cần đảm bảo 3 vấn đề cốt yếu của việc QL CL quá trình dạy học trên lớp.

1) GV thực hiện những quy trình dạy học tối ưu đã được hoạch định trong khâu thiết kế. Sự thực hiện này một mặt vừa mang tính tuân thủ, đảm bảo cho tiến trình tổ chức quá trình dạy học trên lớp trở nên có tính toán, chủ động, có định

hướng rõ ràng, có sự kiểm soát để các hoạt động dạy và hoạt động học được "làm đúng ngay từ đầu" để có CL, tránh được sự tùy tiện, thụ động, thiếu kế hoạch; mặt khác, cần đảm bảo tính nghệ thuật của dạy học: linh hoạt và sáng tạo cho phù hợp với các tình huống dạy học diễn ra một cách thực tế và sinh động. Tuy nhiên, tính khoa học của quá trình dạy học vẫn là yếu tố cần được coi trọng hàng đầu trong hoạt động của người GV.

2) GV thường xuyên hướng dẫn HS cách thức, phương pháp tiến hành các hoạt động học tập sao cho đạt hiệu quả cao, thông qua việc sử dụng các Phiếu hướng dẫn học tập nhằm làm cho mọi HS đều hiểu được cách thức thực hiện công việc học tập, từ đó có kĩ năng học tập đạt CL cao. Điều này một mặt đảm bảo cho người GV thực hiện tốt vai trò hướng dẫn và cố vấn của mình, mặt khác nhằm trả lại đúng ý nghĩa của việc dạy học, bởi lẽ về bản chất, dạy học là dạy người khác, hướng dẫn người khác học cái gì và học như thế nào cho có hiệu quả.

3) GV tổ chức có CL các hoạt động học tập của HS và có cách thức, biện pháp theo dõi CL tham gia các hoạt động học tập của tất cả HS trong quá trình học tập. Điều này đòi hỏi người GV không phải chỉ bằng lòng với một vài HS thường xuyên tích cực trả lời các câu hỏi của GV trong giờ mà thông qua việc tổ chức thực hiện các Phiếu học tập, Phiếu giao việc, làm cho tất cả HS ở các loại trình độ khác nhau đều phải thực hiện các nhiệm vụ học tập bằng nhiều hình thức: nghĩ, nói, viết... dưới sự điều khiển của người thầy; cũng thông qua hệ thống các phiếu giao việc đó mà GV kiểm soát được mức độ và CL làm việc của HS.

4) GV sử dụng có hiệu quả các biện pháp tâm lí - giao tiếp trong quá trình học tập nhằm động viên tinh thần, tư tưởng, cổ vũ, lôi cuốn HS tham gia vào giờ học trong bầu không khí sự phạm dân chủ, cởi mở; khích lệ sự đối thoại cũng

như tinh thần cầu thị, học hỏi thầy và bạn trong HS, coi trọng việc tổ chức các hình thức dạy học hợp tác, trong đó hoạt động nhóm được coi là môi trường dạy học có tính đa mục đích: vừa dạy kiến thức (học để biết), rèn các kĩ năng sống cốt lõi như kĩ năng cùng tham gia, kĩ năng lắng nghe, kĩ năng diễn đạt, thể hiện ý kiến, kĩ năng QL một tập thể nhóm người (học để làm)...vừa hình thành trong HS những thái độ hợp tác tích cực với người khác, điều cần thiết cho sự hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng sau này (học để cùng chung sống).

2.3. Một nguyên tắc QL CL là kiểm tra ngay những việc đã làm xem có đúng với những gì đã hoạch định hay không. Điều đó có nghĩa, trong quá trình dạy học trên lớp, GV phải tổ chức và QL tốt việc kiểm tra, kiểm soát để kịp thời nắm được CL học tập của HS trên lớp và CL thực hiện những dự tính dạy học trong thiết kế bài học. Bằng nhiều biện pháp, cách thức như quan sát trong giờ học, yêu cầu HS trả lời câu hỏi hoặc thực hiện các phiếu học tập, yêu cầu HS tái hiện, tổng hợp kiến thức, yêu cầu HS thực hành vận dụng...; qua đó, GV kịp thời nắm được CL tham gia, CL nắm nội dung bài học của HS một cách hiệu quả. Căn cứ để kiểm tra, kiểm soát là các đơn vị mục tiêu về kiến thức, kĩ năng ứng với mỗi bộ phận của nội dung dạy học. Việc kiểm soát CL học tập cần tận dụng và phân tích nhiều nguồn thông tin: qua kết quả làm bài kiểm tra, qua ý kiến nhận xét đánh giá của người dự giờ, giám định giờ học, qua ý kiến của người học và qua ý kiến tự phản ánh của người dạy. Đặc biệt, sự quan tâm tới ý kiến HS (khách hàng số một) về CL giờ học là điều còn thiếu trong cách xem xét, đánh giá CL dạy học lâu nay ở nhà trường của chúng ta.

2.4. Sử dụng các công cụ QLCL để cải tiến thường xuyên CL dạy học.

QLCL hiện đại luôn coi trọng một nguyên tắc: mọi quyết định trong quá trình QL CL luôn

phải dựa trên các sự kiện thực tế đã được đo lường, kiểm soát một cách khoa học. Các công cụ QLCL hỗ trợ cho người GV trong việc đo đếm, nắm bắt diễn biến của CL dạy học, giáo dục của một giờ học, một giai đoạn học tập, một bộ môn, một lớp ... Kiến thức và các kĩ năng sử dụng công cụ QLCL giúp cho việc kiểm soát quá trình được hiệu quả và thực tiễn, với những dữ kiện cụ thể, tường minh. Nó giúp cho người GV chẳng những nắm được một cách xác thực diễn biến của CL dạy học và giáo dục HS mà còn phân tích, đánh giá CL các hoạt động dạy học bản thân đã tiến hành; chẳng những thấy được những khiếm khuyết và nguyên nhân mà còn tìm ra những biện pháp cải tiến, khắc phục và phòng ngừa những khiếm khuyết đó.

Hoạt động cải tiến CL dạy học nhằm tạo ra những động lực thúc đẩy CL ngày một tốt hơn. Hoạt động này cần được duy trì đều đặn, thường xuyên hàng ngày, sau mỗi giờ học, bài học, trên cơ sở gắn liền sự nỗ lực của cá nhân với sự tham gia của nhóm chuyên môn. Nó rất phù hợp với các hoạt động đổi mới phương pháp dạy học vốn là con đường nâng cao tay nghề sư phạm cho người GV và qua đó nâng cao CL học tập cho người học trong mỗi nhà trường.

3. Một số kết luận:

R.Roysingh - một chuyên gia giáo dục của UNESCO từng khẳng định: CL của một nền giáo dục không vượt quá tầm CL những GV làm việc cho nó. Thực vậy, CL của một nền giáo dục tùy thuộc vào CL dạy học, giáo dục của mỗi nhà trường. Nhưng CL của một nhà trường chỉ thực sự được đảm bảo khi đội ngũ GV thoát khỏi vai trò thụ động của người "bị QL" theo quan niệm thông thường để thực sự đóng vai trò chủ thể QL CL trong mọi công việc, mọi hoạt động, mọi lĩnh vực trong nhà trường một cách chủ động và sáng tạo.

Muốn làm chủ phải có tri thức làm chủ. Tri thức về QLCL sẽ giúp mỗi người GV thực hiện

một cách đúng nghĩa và đầy đủ vai trò làm chủ của mình. Những kiến thức và kĩ năng QL CL các hoạt động dạy học đem đến cho người GV những nhận thức mới, cách thức mới để hiểu và tự QL được công việc dạy học và giáo dục của chính mình cùng với bao công việc khác, từ đó nâng cao CL và hiệu quả của các hoạt động chuyên môn, yếu tố nền tảng của ngôi nhà CL giáo dục. Mặt khác, biết QL công việc, GV lại càng có thêm điều kiện để tham gia QLCL các hoạt động khác. khiến cho guồng máy nhà trường hoạt động có hiệu quả.

Bởi vậy, đã đến lúc cần quan niệm những kiến thức và kĩ năng QLCL là một nội dung phải được coi trọng trong quá trình đổi mới chương trình đào tạo sư phạm và chương trình bồi dưỡng GV phổ thông THPT sắp tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Rayja Roysingh. *Nền giáo dục thế kỉ hai mươi mốt – những vấn đề của châu Á - Thái Bình Dương*. (Đỗ Thị Bình dịch). Viện Khoa học giáo dục. H-1994.
2. Nguyễn Trung Tín. Phạm Phương Hoa (biên dịch). *QL có hiệu quả theo phương pháp của Deming*. NXB Thống kê. H-1996.
3. Nguyễn Quang Toán. *ISO 9000 và TQM - Thiết lập hệ thống QL tập trung vào CL và hướng vào khách hàng*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh- 2001.
4. Phạm Quang Huân. *Triết lí mới trong QL CL giáo dục*. T/c Thông tin Khoa học giáo dục. Viện CL và CT giáo dục, số 112/ 2004.
5. Phạm Quang Huân. *Tiếp cận ISO 9000 trong đổi mới QL giáo dục phổ thông ở nước ta*. T/c Giáo dục, số 96/2004.
6. Phạm Quang Huân. *Vai trò chủ thể QL CL giáo dục của GV trong nhà trường*. T/c Giáo dục. Số 140/2005

SUMMARY

The author analyzes the role played by teachers in teaching quality management while presenting the content and methods of teaching quality management by teachers in the classroom.